

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 18/2024/HS-ST.

Ngày 04/4/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Anh Tuấn.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vũ Thị Hoàn;

2. Bà Đoàn Thị Duyên.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2024/TLST- HS ngày 25 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐST-HS ngày 23/02/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn M, sinh năm 1959.

Nơi cư trú: thôn C, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 3/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K, đã chết; con bà Trần Thị R, đã chết; gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai; vợ Hoàng Thị L, sinh năm 1960; 02 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1990; Nhân thân: Năm 1977, tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam và tham gia chiến đấu tại Campuchia, đến năm 1982 xuất ngũ về địa phương; Tiền án, Tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 26/12/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Kiến Xương (có mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo: Ông Vũ Văn V, sinh năm 1984. Luật sư - Công ty Luật TNHH Thiên Ngân.

Địa chỉ: tầng 11, Toà B Sport Hotel, 15 Lê V, phường N, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

* Bị hại: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982. (vắng mặt).

Trú tại: thôn T, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình.

* Người đại diện hợp pháp cho bị hại:

- Ông Nguyễn Duy Q, sinh năm 1962. (vắng mặt).

- Bà Vũ Thị T, sinh năm 1955. (vắng mặt).

Trú tại: thôn T, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình.

* Người đại diện theo uỷ quyền của người đại diện hợp pháp cho bị hại:

- Anh Nguyễn Duy C, sinh năm 1986.

Trú tại: tổ dân phố H, phường H, quận H, thành phố Hà Nội

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1987 - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình.

* Người có quyền lợi liên quan: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1960. (có mặt).

Trú tại: thôn C, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình.

* Người làm chứng: - Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1950. (vắng mặt).

- Bà Trần Thị P, sinh năm 1957. (có mặt).

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990. (vắng mặt).

- Bà Trịnh Thị X, sinh năm 1965. (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962. (vắng mặt).

- Bà Vũ Thị T, sinh năm 1970. (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968. (vắng mặt).

Đều trú tại: thôn T, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình.

- Chị Đặng Thị H, sinh năm 1983. (vắng mặt).

- Bà Trần Thị L, sinh năm 1975. (vắng mặt).

- Ông Trần Thanh T, sinh năm 1972. (vắng mặt).

- Anh Trần Văn C, sinh năm 1987. (vắng mặt).

Đều trú tại: thôn C, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Chị Nguyễn Thị N là người khuyết tật trí tuệ từ nhỏ (mức độ khuyết tật nặng), có biểu hiện bên ngoài không bình thường, không tham gia học tập và lao động được, không có chồng, con, đang sinh sống phụ thuộc vào gia đình. Từ nhỏ chị N sinh sống cùng bố mẹ đẻ và được hưởng trợ cấp xã hội hằng

tháng (theo Quyết định trợ cấp xã hội hằng tháng số 1088/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kiến Xương).

Trần Văn M mở quán bán hàng tạp hóa ở mặt đường trục xã M, huyện Kiến Xương từ năm 1994 đến nay, quán tạp hóa của M cách nhà chị N 300m, gia đình M và gia đình chị N không có quan hệ họ hàng với nhau. Chị N đã nhiều lần đến quán tạp hóa của M để mua hàng. Qua tiếp xúc và nghe mọi người nói, M biết chị N là người không bình thường như những người khác, không được học và đang hưởng chế độ hàng tháng của nhà nước, nên đã nảy sinh ý định quan hệ tình dục với N, thấy việc quan hệ với N dễ dàng hơn những người khác nên đã nhiều lần quan hệ tình dục với N để giải quyết nhu cầu sinh lý của bản thân và đều thực hiện tại trong quán tạp hóa của M. Thời gian cụ thể từng lần M không nhớ, lần cuối cùng là vào ngày 27 hoặc 28 tháng 6 năm 2023. Diễn biến các lần được Trần Văn M mô tả cụ thể như sau: Khoảng 08 giờ M đang ở quán tạp hóa một mình thì chị N đi xe đạp một mình đến, chị N để xe đạp tại đường trước cửa quán rồi đi vào gặp M, N và M không nói gì với nhau, chị N đi vào phía trong của quán, thấy vậy M cũng không nói gì mà đứng ở quán bán hàng một lúc rồi đi vào phía bên trong quán thì thấy chị Ngát đang nằm ngửa trên bìa cartong được trải trên nền quán, chị N đã cởi bên trái quần mặc ngoài, quần lót, áo ngoài và áo lót vén lên trên để lộ vú ra, hai chân hơi dẹt và duỗi thẳng. Thấy vậy, M đi đến nằm lên người chị N, dùng tay tụt quần dài, quần đùi xuống ngang đầu gối, lúc này dương vật của M đã cương cứng, tay phải M cầm dương vật đưa vào âm đạo của chị N, rồi M chống hai tay xuống nền nhà đưa đẩy hông để dương vật ra vào trong âm đạo chị N được khoảng 01 phút thì dương vật của M xuất tinh vào trong âm đạo của chị N, M đứng lên kéo quần mặc lại, chị N tự đứng lên mặc quần áo rồi không nói gì và đi ra phía ngoài cửa quán. M lấy tiền đưa cho N, có lần cho 40.000 đồng, có lần cho 30.000 đồng, sau đó N lấy xe đạp để đi về nhà.

Ngày 27/6/2023, mẹ đẻ chị N là bà Vũ Thị T, thấy chị N có biểu hiện của người có thai nên đã đưa chị N đến Bệnh viện đa khoa huyện Kiến Xương để kiểm tra thì phát hiện chị N có thai 13 tuần 4 ngày. Do chị N là người khuyết tật trí tuệ nặng nên ngày 04/7/2023 gia đình đã đưa chị N đến Bệnh viện phụ sản Thái Bình nhập viện để hủy thai, đến ngày 10/7/2023 chị Ngát ra viện.

- Kết luận giám định số 5119/KL-KTHS ngày 14/8/2023 của Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an kết luận:

1. Thai nhi có mẫu gửi giám định là con đẻ của Nguyễn Thị N và Trần Văn M.

2. Lưu kiểu gen (ADN) của Trần Văn M, Nguyễn Thị N và thai nhi trên tại Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an.

- Kết luận giám định xâm hại tình dục số 13/KLXHTD-TTPY ngày 10/7/2023 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Thái Bình kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Màng trinh: Giãn đường kính ~ 2,5cm, vị trí 4h, 2h, 1h, 5h có vết rách cũ, không bầm tím, không chảy máu.

- Trên phiên đồ không thấy hình ảnh tinh trùng, xác tinh trùng trong dịch âm đạo.

- HIV: âm tính.

2. Kết luận:

- Màng trinh: giãn đường kính ~ 2,5cm, vị trí 4h, 2h - 1h, 5h có vết rách cũ, không bầm tím, không chảy máu.

- Trên các tiêu bản nhuộm soi không thấy tinh trùng, xác tinh trùng.

- HIV: âm tính.

- Nguyễn Thị N có một thai tương đương 14 tuần 4 ngày.

- Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 409/KLGĐ ngày 28/11/2023 của Viện pháp y tâm thần trung ương kết luận: "Trước, trong khi quan hệ tình dục với Trần Văn M vào tháng 4/2023; tháng 6/2023 và tại thời điểm giám định, bị hại Nguyễn Thị N bị bệnh Châm phát triển tâm thần vừa. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992, bệnh có mã số F71. Tại các thời điểm trên bị hại hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi"

Trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo Trần Văn M đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường các khoản tổn hại sức khỏe, tổn thất tinh thần và các chi phí khác cho gia đình bị hại với tổng số tiền là 250.000.000 đồng. Anh Nguyễn Duy C là người đại diện theo uỷ quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại không còn yêu cầu đề nghị gì khác về trách nhiệm dân sự.

Tại bản cáo trạng số 08/ CT - VKSKX ngày 24/01/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Trần Văn M về tội "Hiếp dâm" theo quy định tại điểm d, g khoản 2 Điều 141 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Văn M về tội danh và điều luật như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Căn cứ tính chất mức độ hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo trong vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn M phạm tội "Hiếp dâm".

Áp dụng điểm d, g khoản 2 Điều 141; Điều 50; điểm b, s, x khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn M 08 năm đến 08 năm 06 tháng. Thời hạn tù tính từ ngày 26/12/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo bồi thường các khoản tổn hại sức khỏe, tổn thất tinh thần và các chi phí khác cho gia đình bị hại với tổng số tiền là 250.000.000 đồng

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Văn M.

Phản tranh luận: Bị cáo thừa nhận hành vi quan hệ tình dục hai lần và xin được giảm nhẹ hình phạt sớm về với gia đình và xã hội.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết thành khẩn khai báo và cho bị cáo được hưởng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Người đại diện theo uỷ quyền của người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa, người đại diện theo hợp pháp cho bị hại, người đại diện theo uỷ quyền của người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, khai nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và đã được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ sau: Đơn trình báo, biên bản ghi lời khai của người đại diện hợp pháp cho bị hại là anh Nguyễn Duy C sinh năm 1986, trú tại: tổ dân phố H, phường H, quận H, thành phố Hà Nội; Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kiến Xương lập hồi 08 giờ 30 phút ngày 08/7/2023; Sơ đồ xác định khoảng cách, biên

bản làm việc do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kiến Xương lập hồi 15 giờ 10 phút ngày 28/12/2023; Kết luận giám định số 5119/KL-KTHS ngày 14/8/2023 của Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an; Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 409/KLGĐ ngày 28/11/2023 của Viện pháp y tâm thần trung ương; Lời khai của bị hại là chị Nguyễn Thị N sinh năm 1982, trú tại: thôn T, xã Q, huyện Kiến Xương; Lời khai của những người làm chứng là: bà Hoàng Thị L sinh năm 1960, trú tại: thôn C, xã M, huyện Kiến Xương; bà Vũ Thị T sinh năm 1955, bà Nguyễn Thị H sinh năm 1950, bà Trần Thị P sinh năm 1957, chị Nguyễn Thị T sinh năm 1990, bà Trịnh Thị X sinh năm 1965, bà Nguyễn Thị L sinh năm 1962, bà Vũ Thị T sinh năm 1970, bà Nguyễn Thị N sinh năm 1968, đều trú tại: thôn T, xã Q, huyện K; chị Đặng Thị H sinh năm 1983, bà Trần Thị L sinh năm 1975, ông Trần Thanh T sinh năm 1972, anh Trần Văn C sinh năm 1987, đều trú tại: thôn C, xã M, huyện Kiến Xương và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Từ căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng tháng 4 và tháng 6 năm 2023, Trần Văn M lợi dụng chị Ngát bị bệnh chậm phát triển tâm thần vừa, bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đã nhiều lần thực hiện hành vi giao cấu với chị Nguyễn Thị N tại quán tạp hóa của Mằm ở thôn C, xã M, huyện Kiến Xương làm chị N có thai. Do vậy hành vi của bị cáo M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Hiếp dâm” theo quy định tại điểm d, g khoản 2 Điều 141 Bộ luật Hình sự

Điều 141 Bộ luật Hình sự: Tội hiếp dâm

1.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

.....

d) Phạm tội 02 lần trở lên;

g) Làm nạn nhân có thai;

5.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội bởi; Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm nghiêm trọng đến sức khỏe sinh sản, danh dự, nhân phẩm của bị hại, đã gây hoang mang, bất bình, phẫn nộ trong xã hội nhất, bị hại là người yếu thế luôn cần sự chăm lo, bảo vệ của các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, cộng đồng xã hội. Tội phạm mà bị cáo thực hiện trong vụ án thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Do đó cần áp dụng chế tài hình phạt tù quy định tại khoản 2 Điều 141 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian tương xứng với tính chất, mức

độ của hành vi phạm tội bị cáo thực hiện, với mục đích trừng trị răn đe, giáo dục và cải tạo bị cáo trở thành người có ý thức tuân thủ pháp luật nhà nước. Bản án xét xử bị cáo còn là bài học chung cho trong toàn xã hội về ý thức tôn trọng danh dự, nhân phẩm và sức khỏe con người đã được hiến pháp và pháp luật quy định.

[5] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, đại diện theo uỷ quyền của người đại diện hợp pháp bị hại có đơn đề nghị rút lại đơn tố cáo bị cáo tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ Quân sự chiến đấu tại Campuchia được tặng Huân chương chiến công hạng ba nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người có công với cách mạng. Các tình tiết giảm nhẹ nêu trên được quy định tại điểm b, s, x khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần Văn M đã tự nguyện thoả thuận bồi thường các khoản tổn hại sức khỏe, tổn thất tinh thần và các chi phí khác cho gia đình bị hại với tổng số tiền là 250.000.000 đồng. Anh Nguyễn Duy C là người đại diện theo uỷ quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại không còn yêu cầu đề nghị gì khác về trách nhiệm dân sự. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về phần trách nhiệm dân sự trong vụ án.

[7] Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi, theo quy định Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Văn M.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm d, g khoản 2 Điều 141; Điều 50; điểm b, s, x khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn M phạm tội “Hiếp dâm”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn M 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/12/2023.
3. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Văn M.
4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt bị cáo Trần Văn M, người đại diện theo uỷ quyền của người đại diện hợp pháp cho bị hại anh Nguyễn Duy C, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị hại bà Nguyễn Thị H, người có quyền lợi liên quan bà Hoàng Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Vắng mặt người đại diện hợp pháp cho bị hại ông Nguyễn

Duy Q, bà Vũ Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người đại diện;
- VKSND huyện Kiến Xương;
- Công an huyện Kiến Xương;
- THADS huyện Kiến Xương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Anh Tuấn

